

Số:/BC-TTHPT

Bến Lức, ngày 25 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, CÁC ĐIỀU
KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU- CHI TÀI CHÍNH
(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ
Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ báo cáo công khai chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu – chi tài chính như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có).

- Tên trường: Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ .

2. Địa chỉ:

Ấp Phước Tú, xã Thanh Phú, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Điện thoại: 02723.891575

Website: <https://thptnguyenhuutho.longan.edu.vn/>

Email: c3nguyenhuutho.longan@moet.edu.vn

3. Loại hình, chức năng, nhiệm vụ:

Loại hình: Công lập.

Cơ quan chủ quản: Sở GD&ĐT Long An

Giáo dục phổ thông bậc Trung học phổ thông

4. Mục tiêu:

4.1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng nhà trường có chất lượng giáo dục cao, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ công hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển con người Việt nam toàn diện về Đức, Trí, Thể, Mỹ, hướng tới “công dân toàn cầu”.

4.2. Các mục tiêu cụ thể

- Xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, về cơ cấu, có phẩm chất đạo đức tốt, có lòng yêu nghề và năng lực sư phạm, đáp ứng yêu cầu dạy học theo chương trình GDPT 2018.

- Thực hiện tốt chức năng quản lý giáo dục. Đổi mới công tác quản lý giáo dục phù hợp với việc đổi mới chương trình giáo dục.

- Nâng cấp cơ sở vật chất và thiết bị dạy học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa tương ứng với yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Tích cực đưa công nghệ thông tin vào quá trình dạy học.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Được thành lập từ năm 2002, trường Trung học phổ thông (THPT) Nguyễn Hữu Thọ có địa chỉ tại ấp Phước Tú, xã Thanh Phú, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Tiền thân của Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ là Trường cấp 2,3 Bến Lức. Qua nhiều năm hoạt động và phát triển, nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng để đáp ứng các tiêu chuẩn CLGD do Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành và cũng để khẳng định uy tín và thương hiệu của nhà trường trong sự nghiệp phát triển giáo dục. Năm học 2024-2025, trường có 45 lớp với tổng số 1938 học sinh.

Trường liên tục phát triển về nhiều mặt: Cơ sở vật chất của nhà trường ngày càng hoàn thiện, giáo dục của trường hàng năm đều có học sinh giỏi các cấp về văn hóa thể dục thể thao. Trong công tác giảng dạy, trường đạt nhiều thành tích cao về chất lượng đại trà, số học sinh tốt nghiệp bình quân luôn đạt 100%, hiệu quả đào tạo trên 95%.

Đây là sự khẳng định về chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục của nhà trường trong những năm vừa qua, đồng thời cũng là tiền đề quan trọng để nhà trường xây dựng chiến lược phát triển trong giai đoạn sau với mục tiêu duy trì trường đạt chuẩn Quốc gia, tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phấn đấu, đã và sẽ trở thành một địa chỉ tin cậy của nhân dân, học sinh trên địa bàn huyện.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc.

Người đại diện pháp luật: Bà Trần Thị Ngọc Hân

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: ấp Phước Tú, xã Thanh Phú, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

7. Tổ chức bộ máy:

7.1. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có):

Quyết định số 2755//QĐ-UBND ngày 23/8/2002 của UBND tỉnh Long An về việc thành lập trường Trung học phổ thông Nguyễn Hữu Thọ.

7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026 được công nhận theo quy định theo Thông tư số 32/2020 TTBGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT. Hội đồng trường được công nhận theo Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 16/9/2024 của Sở GD &ĐT Long An.

7.3. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy.

7.3.1. Cơ chế hoạt động của trường THPT Nguyễn Hữu Thọ

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

7.3.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế-xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh

(HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.
- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia các hoạt động xã hội.
- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.
- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục (HĐGD); bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN:

1. Số biên chế được giao năm 2024:

Số biên chế được giao năm 2024: 99

Số biên chế hiện tại: 96

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	
Phó Hiệu trưởng	2	0	0	0	1	1	
Giáo viên	89	58	0	0	71	18	
Nhân viên	4	4	0	0	4	0	
Cộng	96	67	0	0	76	20	

2. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của trường THPT Nguyễn Hữu Thọ năm học 2024-2025:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp		
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Cán bộ quản lí	3	0	2	1	0	0	0	2	1	0
1	Hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0	0	1	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	1	1	0	0	0	1	1	0
II	Giáo viên	89	0	18	71	0	0	0	88	1	0
1	Toán	15	0	3	12	0	0	0	0	0	0
2	Vật lý	10	0	4	6	0	0	0	0	0	0
3	Hoá Học	9	0	3	6	0	0	0	0	0	0
4	Sinh học	5	0	1	4	0	0	0	0	0	0
5	Công nghệ	6	0	0	6	0	0	0	0	0	0
6	Tin học	4	0	1	3	0	0	0	0	0	0
7	Ngữ văn	11	0	0	11	0	0	0	0	0	0
8	Tiếng Anh	9	0	3	6	0	0	0	0	0	0
9	GDKT-PL	3	0	1	2	0	0	0	0	0	0
10	Địa lý	5	0	0	5	0	0	0	0	0	0
11	Lịch sử	4	0	2	2	0	0	0	0	1	0
12	GDTC & QPAN	8	0	0	8	0	0	0	0	0	0
13	NT (Mỹ Thuật)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	NT (Âm nhạc)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	HĐTN-HN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	GDĐP	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
III	Nhân viên	4	0	0	1	2	1	0	0	0	0
1	NV văn thư	1	0	0	0	0	1	0			
2	NV kế toán	1	0	0	1	0	0	0			

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp		
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0			
4	Nhân viên y tế	1	0	0	0	0	1	0			
5	NV thư viện	1	0	0	0	1	0	0			
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1	0	0	1	0	0	0			
4	NV hỗ trợ giáo dục NKT	0	0	0	0	0	0	0			
8	Nhân viên CNTT	0	0	0	0	0	0	0			
9	Bảo vệ (NĐ 111)	3	0	0	0	0	0	3			

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường THPT Nguyễn Hữu Thọ năm học 2024-2025.

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	42	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	42	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	6	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	3	-
7	Bình quân lớp/phòng học	2	-
8	Bình quân học sinh/lớp	42	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	45.167	1.447 m ² lộ giới

V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	12636	
VI	Tổng diện tích các phòng	2573	
1	Diện tích phòng học (m ²)	979.2	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	570	
3	Diện tích thư viện (m ²)	128	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	724	
5	<i>Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m²)</i>	172	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10	1	
1.2	Khối lớp 11	1	
1.3	Khối lớp 12	1	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10	0	
2.2	Khối lớp 11	0	
2.3	Khối lớp 12	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	1000	
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	100	20 HS/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	1	
2	Cát xét	4	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	

4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		3			
5	Bảng tương tác		0			
6						
X	Tổng số thiết bị đang sử dụng			Số thiết bị/lớp		
1	Ti vi		7			
2	Cát xét		4			
3	Đầu Video/đầu đĩa		0			
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		0			
5	Bảng tương tác		44	1		
..						
	Nội dung	Số lượng (m ²)				
XI	Nhà bếp	0				
XII	Nhà ăn	0				
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ		
XIII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0		
XIV	Khu nội trú	0	0	0		
XV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		12		260
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					
	Nội dung		Có		Không	
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh		Có			
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		Có			
XVII	Kết nối internet		Có			
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường		Có			

XIX	Tường rào xây	Có	
------------	----------------------	-----------	--

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng về mục đích kiểm định chất lượng. Trong đó, tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện, để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thường xuyên cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục. Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 (theo Quyết định số: 12829/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An).

Theo lộ trình, nhà trường tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

1. Cam kết chất lượng giáo dục của trường THPT Nguyễn Hữu Thọ, năm học 2024 – 2025

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	Theo quy định của Bộ GD; Sở GD&ĐT Long An	Theo quy định của Bộ GD; Sở GD&ĐT Long An	Theo quy định của Bộ GD; Sở GD&ĐT Long An
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện chuẩn KT-KN theo CTGDPT 2018 của Bộ GD&ĐT	Thực hiện chuẩn KT-KN theo CTGDPT 2018 của Bộ GD&ĐT	Thực hiện chuẩn KT-KN theo CTGDPT 2018 của Bộ GD&ĐT
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Hoạt động TN-HN, lao động, văn thể mỹ, hoạt động tư vấn học tập, tư vấn tâm lý.	Hoạt động TN-HN, lao động, văn thể mỹ, hoạt động tư vấn học tập, tư vấn tâm lý.	Hoạt động TN-HN, lao động, văn thể mỹ, hoạt động tư vấn học tập, tư vấn tâm lý.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Năng lực, phẩm chất được đánh giá từ Đạt trở lên. - Học tập đánh	Năng lực, phẩm chất được đánh giá từ Đạt trở lên. - Học tập đánh giá từ Đạt trở lên.	Năng lực, phẩm chất được đánh giá từ Đạt trở lên. - Học tập đánh

		giá từ Đạt trở lên. - Sức khỏe đạt 95%trở lên.	- Sức khỏe đạt 95%trở lên.	giá từ Đạt trở lên. - Sức khỏe đạt 95%trở lên.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Học đủ 3 năm bậc THPT	Học đủ 3 năm bậc THPT	Đậu TN THPT, đỗ vào trường ĐH

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường THPT Nguyễn Hữu Thọ

2.1. Kết quả giáo dục năm học 2023 – 2024

2.1.1 Hệ GDPT

							KẾT QUẢ RÈN LUYỆN Cả năm - 2023-2024																
KHỐI	SLHS	SLHS NỮ	TỐT				KHÁ				ĐẠT				CHƯA ĐẠT				Tỉ ĐẠT trở lên				
			SL	%	NỮ	%	SL	%	NỮ	%	SL	%	NỮ	%	SL	%	NỮ	%	SL	%	NỮ	%	
10	674	398	668	99	396	58.7	5	0.7	2	0.30%	1	0.15%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	674	100.00%	398	59.05%	
11	527	299	521	98	298	56.5	6	1.1	1	0.19%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	527	100.00%	299	56.74%	

KẾT QUẢ HỌC TẬP Cả năm - 2023-2024

KHỐI	SLHS	SLHS NỮ	TỐT				KHÁ				ĐẠT				CHƯA ĐẠT				Tỉ ĐẠT trở lên			
			SL	%	NỮ	%	SL	%	NỮ	%	SL	%	NỮ	%	SL	%	NỮ	%	SL	%	NỮ	%
10	674	398	328	48.6	207	30.7	319	47.3	174	25.82%	27	4.01%	17	2.52%	0	0.00%	0	0.00%	674	100.00%	398	59.05%
11	527	299	347	65.8	209	39.6	167	31.6	83	15.75%	13	2.47%	7	1.33%	0	0.00%	0	0.00%	527	100.00%	299	56.74%

XẾP LOẠI HẠNH KIỂM cả năm 2023-2024

KHỐI	TSHS	NỮ	TỐT				KHÁ				TB				YẾU				Tỉ TB trở lên			
			SL	%	NỮ	%	SL	%	NỮ	%	SL	%	NỮ	%	SL	%	NỮ	%	SL	%	NỮ	%
12	613	353	613	100.	353	100.	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	613	100.00%	353	862.91%

XẾP LOẠI HỌC LỰC Cả năm - 2023-2024

KHỐI	TSHS	NỮ	GIỎI				KHÁ				TB				YẾU				KÉM				Tỉ TB trở lên
			SL	%	NỮ	%	SL	%	NỮ	%	SL	%	NỮ	%	SL	%	NỮ	%	SL	%	NỮ	%	
12	613	353	584	95.2	339	55	29	4.73%	14	2.20%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0	0	0.00%	613

2.1.2 Hệ GDTX

KHỐI	HỌC LỰC CẢ NĂM - 2023-2024															
	Sĩ SỐ	GIỎI			KHÁ			TB			YẾU			KÉM		
		SL	Nữ	%	SL	Nữ	%	SL	Nữ	%	SL	Nữ	%	SL	Nữ	%
12	68	46	15	67.65	22	7	32.35	0	0	0	0	0	0	0	0	0
KHỐI	HẠNH KIỂM CẢ NĂM - 2023-2024															
	Sĩ SỐ	TỐT			KHÁ			TB			YẾU					
		SL	Nữ	%	SL	Nữ	%	SL	Nữ	%	SL	Nữ	%			
12	68	62	21	91.18	4	1	5.88	2	0	2.94	0	0	0			
KHỐI	HỌC TẬP CẢ NĂM - 2023-2024															
	Sĩ SỐ	Tốt			Khá			Đạt			Chưa đạt			KÉM		
		SL	Nữ	%	SL	Nữ	%	SL	Nữ	%	SL	Nữ	%	SL	Nữ	%
11	79	13	11	16.46	47	31	59.49	19	4	24.05	0	0	0	0	0	0
KHỐI	KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CẢ NĂM 2023-2024															
	Sĩ SỐ	Tốt			Khá			Đạt			Chưa đạt					
		SL	Nữ	%	SL	Nữ	%	SL	Nữ	%	SL	Nữ	%			

11	79	69	46	87.34	4	0	5.06	6	0	7.59	0	0	0			
KHỐI	HỌC TẬP CẢ NĂM - 2023-2024															
	Sĩ số	Tốt			Khá			Đạt			Chưa đạt			KÉM		
		SL	Nữ	%	SL	Nữ	%	SL	Nữ	%	SL	Nữ	%	SL	Nữ	%
10	67	5	1	7.46	45	21	67.16	17	6	25.37	0	0	0	0	0	0
KHỐI	KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CẢ NĂM 2023-2024															
	Sĩ số	Tốt			Khá			Đạt			Chưa đạt					
		SL	Nữ	%	SL	Nữ	%	SL	Nữ	%	SL	Nữ	%			
10	67	59	24	88.06	7	4	10.45	1	0	1.49	0	0	0			

2.2. Kết quả giáo dục HKI năm học 2024-2025

2.2.1. Hệ GDPT

Tổng số học sinh khối	Số lượng	Nữ	Kết quả rèn luyện (Hạnh kiểm)								Kết quả học tập (Học lực)							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
10	537	324	518	96	9	1.7	9	1.7	1	0.2	231	43	246	46	41	8	1	0
11	675	399	655	97	10	1.5	10	1.5	0	0	341	51	308	46	26	4	0	0
12	524	297	501	96	10	1.9	13	2.5	0	0	473	90	51	9.7	0	0	0	0

2.2.2 Hệ GDTX

Tổng số học sinh khối	Số lượng	Nữ	Kết quả rèn luyện (Hạnh kiểm)								Kết quả học tập (Học lực)							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
10	43	25	42	98	0	0	0	0	0	0	5	12	37	86	1	2	0	0
11	68	28	58	85	6	8.8	4	5.9	0	0	19	28	44	65	5	7	0	0
12	79	46	31	39	5	6.3	4	5.1	0	0	55	70	21	27	3	4	0	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

1.1. Các khoản thu phân theo:

- Nguồn kinh Phí:

- + Ngân sách nhà nước : 20.824.000.000 đồng
- + Học phí : 610.223.000 đồng
- + Thu khác theo quy định nhà nước : 2.296.710.000 đồng

- Loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác):
Không

1.2. Các khoản chi phân theo:

- Chi tiền lương và thu nhập : 20.216.813.263 đồng
- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ : 3.280.518.500 đồng
- Chi hỗ trợ người học : 90.512.000 đồng
- Chi khác theo quy định nhà nước : 83.385.980 đồng

2. Các khoản thu học phí của học sinh trong năm học 2024-2025:

- Học phí: Các khoản thu trong năm học 2024-2025: Học phí: 342.000 đồng/học sinh (theo quy định).

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học: Thực hiện kịp thời và đúng theo qui định

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Tổ chức công khai trong hội đồng sư phạm bằng hình thức niêm yết, thông báo, đưa lên cổng thông tin của trường.

Công khai theo đúng quy định.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Phòng Thanh tra Sở GD&ĐT Long An; (b/c);
- Đưa lên trang web, cổng thông tin trường;
- Lưu: VT.

Trần Thị Ngọc Hân